TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 102/2018/DS - PT
Ngày: 26-7-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng
Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2018/DS-PT ngày 21/5/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS - ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2018/QĐ-PT ngày 07/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐ-PT ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn*:** Ngân hàng N.

Trụ sở: Số X, đường T, phường M, quận T, thành phố Hà Nội.

***Người đại diện theo ủy quyền*:** Ông Đỗ Ngọc T – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số XX, đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

***2. Bị đơn*:**

+ Ông Triệu Văn K, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn X, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn X, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

***3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan*:** Bà Vi Thị M. Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:*

Ngày 27/11/2012 Ngân hàng N - chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk ký kết hợp đồng tín dụng số 5210-LDS-201203483 cho ông Triệu Văn K và bà Hoàng Thị L vay số tiền 22.000.000 đồng để chăn nuôi bò với cam kết thực hiện bảo đảm tài sản bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U017494 đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 54 và tài sản gắn liền với đất tại thôn x, xã C do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ bà Vi Thị M. Thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ ngày 27/11/2013. Tiền lãi trả theo kỳ gốc, lãi suất trong hạn 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Nay số nợ trên đã quá thời hạn, ông K bà L chưa trả số nợ gốc mà mới trả được số tiền 476.667đồng tiền lãi, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà L phải trả số nợ tính đến ngày 16/3/2018 với số tiền là 43.124.277 đồng. Trong đó nợ gốc là 22.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 15.364.556 đồng và tiền lãi quá hạn là 6.236.389đồng. Sau khi ông Triệu Văn K, bà Hoàng Thị L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Vi Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 017494 đã được UBND huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà M ngày 10/3/2002 (Bản gốc).

** Qua quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Triệu Văn K trình bày:*

Ông K thừa nhận ngày 27/11/2012 vợ chồng ông có vay của Ngân hàng 22.000.000đồng để chăn nuôi bò, trồng trọt và mua sắm vật dụng trong gia đình, có cam kết thực hiện bảo đảm tài sản, ông bà đã thế chấp GCNQSDĐ số U017494 do UBND huyện M cấp cho hộ bà Vi Thị M (là mẹ của ông K) vào ngày 10/3/2002, diện tích đất trên bà M đã cho ông sử dụng, quản lý và đã ủy quyền cho ông sử dụng để thế chấp vay số tiền trên. Do làm ăn thua lỗ nên gia đình ông chưa trả được số tiền vay gốc và lãi cho ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS - ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 137; Điều 138, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông Triệu Văn K phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 21.562.000đồng (gồm 11.000.000đồng nợ gốc, 10.562.000đồng tiền lãi), tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 5210-LDS-201203483 ngày 27/11/2012.

- Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 21.562.000đồng (gồm 11.000.000đồng nợ gốc, 10.562.000đồng tiền lãi), tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 5210-LDS-201203483 ngày 27/11/2012.

Kể từ ngày 17/3/2018 ông K, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk phải trả cho bà Vi Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 017494 đã được UBND huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà M ngày 10/3/2002.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2018, Ngân hàng N làm đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 017494 cho bà Vi Thị M, khi ông K và bà L chưa trả hết nợ là không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn ông Đỗ Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm đối với phần nội dung buộc Ngân hàng trả lại GCNQSD đất cho bà Vi Thị M, trong khi ông K và bà L chưa trả xong nợ cho ngân hàng là không bảo đảm quyền lợi. Do đó, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông K và bà L trả số nợ vay gốc và lãi cho ngân hàng, khi nào trả xong nợ thì ngân hàng trả lại GCNQSD đất đã thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng – Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS - ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk theo hướng: Khi ông Triệu Văn K, bà Hoàng Thị L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk phải hoàn trả lại cho bà Vi Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 017494 đã được UBND huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà M ngày 10/3/2002 (Bản gốc). Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện ông K, bà L. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông K, bà L là bị đơn trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trong vụ án là chưa chính xác, tuy nhiên sai sót trên không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Đối với ông K, bà L và bà M không kháng cáo bản án sơ thẩm, khi xét xử phúc thẩm đã được triệu tập hợp lệ nhưng các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa; xét việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng tới việc xét xử nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông K, bà L, bà M.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, trước khi ký kết hợp đồng vay vốn giữa Ngân hàng và hộ ông K, bà L thỏa thuận cam kết thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản bảo đảm. Ngày 23/10/2012, bà Vi Thị M đã lập giấy ủy quyền cho ông K đại diện cho bà M thực hiện các thủ tục vay vốn tại ngân hàng như ký kết hợp đồng vay và các giấy tờ liên quan hợp đồng vay vốn, trả nợ, xử lý tài sản bảo đảm…Ngày 22/11/2012, ông K, bà L là đại diện hộ gia đình ký giấy cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản. Đến ngày 27/12/2012, Ngân hàng và hộ ông K, bà L đã ký hợp đồng tín dụng số 5210-LDS-201203483 cho hộ ông K, bà L vay tín chấp số tiền 22.000.000đồng để chăn nuôi bò với cam kết thực hiện bảo đảm tài sản bằng quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số U017494 đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 54 và tài sản gắn liền với đất tại thôn X, xã C do UBND huyện M cấp cho hộ bà Vi Thị M. Như vậy, hợp đồng tín dụng và giấy cam kết thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản bảo đảm là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của Ngân hàng cho rằng bản án sơ thẩm buộc Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 017494 cho bà Vi Thị M, khi ông K và bà L chưa trả hết nợ là không đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Đối với tài sản mà vợ chồng ông K, bà L cam kết thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay tín dụng là diện tích đất 3.463m^2 tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại thôn X, xã C, huyện M, theo GCNQSDĐ số U 017494 của UBND huyện M, cấp cho hộ bà Vi Thị M vào ngày 10/3/2002. Đây là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà M. Tuy nhiên, qua lời khai của ông K, bà M thì diện tích đất nêu trên đã được bà M tặng cho quyền sử dụng

đất cho vợ chồng ông K, bà L trong thời kỳ hôn nhân nhưng chưa kê khai, đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Mặt khác, theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2012 (BL 70), Giấy đề nghị vay vốn lập ngày 27/11/2012 (BL 71) mà Ngân hàng cung cấp kèm theo đơn kháng cáo cho thấy bà Vi Thị M đã ủy quyền cho anh Triệu Văn K là người đại diện cho hộ gia đình (trong hộ gia đình có bà M) thực hiện các thủ tục vay vốn tại ngân hàng như giao dịch, nhận tiền vay, trả nợ, xử lý tài sản bảo đảm… Vì vậy, ông K, bà L dùng tài sản là diện tích đất 3.463m^2 tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại thôn X, xã C, huyện M, theo GCNQSDĐ số U 017494 của UBND huyện M, cấp cho hộ bà Vi Thị M vào ngày 10/3/2002 để ký cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản vào ngày 27/11/2018 là đã đảm bảo tính pháp lý. Do đó kháng cáo của Ngân hàng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về án phí DSPT: Do được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 137; Điều 138, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng N. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS - ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông Triệu Văn K phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 21.562.000đồng (gồm 11.000.000đồng nợ gốc, 10.562.000đồng tiền lãi), tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 5210-LDS-201203483 ngày 27/11/2012.

- Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 21.562.000đồng (gồm 11.000.000đồng nợ gốc, 10.562.000đồng tiền lãi), tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 5210-LDS-201203483 ngày 27/11/2012.

Kể từ ngày 17/3/2018 ông Triệu Văn K, bà Hoàng Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của

Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi ông Triệu Văn K, bà Hoàng Thị L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Vi Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 017494 đã được UBND huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà M ngày 10/3/2002 (Bản gốc).

1. Về án phí dân sự:

2.1Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Triệu Văn K, bà Hoàng Thị L mỗi người phải chịu 1.078.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 1.088.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004554 ngày 14/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

2.2 Về án phí phúc thẩm:

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng (ông Nguyễn Sỹ H) đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai số AA/2016/0004630 vào ngày 02/5/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trịnh Văn Toàn

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-TAND huyện M'Đrắk;
-CCTHADS huyện M'Đrắk;
-Các đương sự;
-……
-Lưu.